

Số: 100 /CV-VASEP

V/v báo cáo khó khăn, vướng mắc, kiến nghị,  
đề xuất cải cách QĐ liên quan đến hoạt động  
KD theo NQ 68/NQ-CP

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2022

**Kính gửi: Văn phòng Chính phủ**

Phúc đáp công văn số 8276/VPCP-KSTT ngày 09/12/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo khó khăn, vướng mắc, kiến nghị đề xuất cải cách quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ, Hiệp hội Chế biến và XK Thủy sản Việt Nam (VASEP) đã lấy ý kiến góp ý từ các DN Hội viên và tổng hợp về các vướng mắc, bất cập của DN thủy sản cũng như các kiến nghị, đề xuất giải pháp cho các vướng mắc, bất cập nói trên.

Hiệp hội xin gửi bản tổng hợp theo mẫu của công văn số 8276/VPCP-KSTT tới Quý Văn phòng (chi tiết xin xem Phụ lục gắn kèm) và kính đề nghị Văn phòng Chính phủ quan tâm, chỉ đạo đề sớm xem xét, giải quyết các vướng mắc, bất cập, nhằm dỡ bỏ các gánh nặng về chi phí (thời gian, tiền bạc) cũng như ách tắc trong thủ tục hành chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh cho cộng đồng DN để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của DN, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các DN XK thủy sản của Việt Nam và vị thế của thủy sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch HH và các PCT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI  
TỔNG THƯ KÝ**



**Trương Đình Hòe**

PHỤ LỤC

**VƯỚNG MẮC, KHÓ KHĂN, VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CẢI CÁCH QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP THỦY SẢN**

(Kèm theo công văn 100 CV/VASEP ngày 26/12/2022)

Stt	Nội dung khó khăn, vướng mắc	Quy định liên quan (Điều, khoản, điểm)	Văn bản quy định (Số hiệu, trích yếu, ngày tháng năm ban hành)	Kiến nghị, đề xuất giải pháp tháo gỡ	Kết quả xử lý của các Bộ ngành, cơ quan
<b>I LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ TÀI NGUYÊN &amp; MÔI TRƯỜNG</b>					
1	<p><b>Vướng mắc lớn về quy định trong QCVN nước thải sau xử lý cho chế biến thủy sản và trại nuôi thủy sản:</b></p> <p><i>- Quy định ngưỡng tối đa chỉ tiêu Phospho nước thải chế biến thủy sản sau xử lý trong QCVN 11-MT:2015/BTNMT cho nước thải chế biến thủy sản cũng như tại Dự thảo QCVN nước thải công nghiệp 2022 quá nghiêm ngặt so với đặc thù ngành</i></p> <p><i>- Áp dụng QCVN về nước thải công nghiệp cho các ao nuôi thủy sản thâm canh, không phù hợp với đặc thù của ngành</i></p>	<p>- Bảng 1: Giá trị C để làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải chế biến thủy sản của QCVN 11-MT:2015/BTNMT;</p> <p>- Mục 1.2 1 Đối tượng áp dụng và Bảng 1: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp của dự thảo QCVN thay thế QCVN 40:2011/BTNMT</p>	<p>QCVN 40:2011/BTNMT, QCVN 11-MT:2015/BTNMT và Dự thảo QCVN thay thế QCVN 40:2011/BTNMT, QCVN 11-MT:2015/BTNMT</p>	<p>Kiến nghị Bộ TNMT:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đưa trại-ao nuôi thủy sản vào phạm vi điều chỉnh của Dự thảo QCVN 62:2021/BTNMT (nước thải chăn nuôi), và thuộc Cột B của cơ sở phải đăng ký MT thay vì đang nằm trong QCVN nước thải công nghiệp.</li> <li>Với nước thải từ nhà máy chế biến thủy sản: <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Không gộp</b> nước thải CBTS vào Dự thảo QCVN công nghiệp chung nhiều ngành nghề khác nhau; hoặc có điều khoản riêng cho CBTS tại dự thảo QCVN nước thải công nghiệp mới do yếu tố đặc thù của ngành như đã thực hiện riêng trong hơn 20 năm qua;</li> <li><b>Nâng ngưỡng</b> cho phép của chỉ tiêu phospho lên</li> </ul> </li> </ol>	<p>Từ 2016, Hiệp hội và các DN đã phản ánh nhiều lần về vướng mắc tại quy định chỉ tiêu Phospho, Nito và Amoni trong QCVN 11-MT:2015 và tại Dự thảo QCVN mới về nước thải công nghiệp, cũng như việc áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT và Dự thảo QCVN mới nói trên mặc dù Bộ TNMT đã có công văn 2610/TCMT-QLCT ngày 22/8/2018 trong đó xác nhận sẽ ban hành QCVN mới áp dụng riêng cho trại nuôi thủy sản.</p> <p>Đến nay Dự thảo đã ở giai đoạn cuối (đã có văn bản thẩm định &amp; ý kiến của Bộ KHCN đầu năm 2022) vẫn chưa có thông tin giải quyết các tồn tại, vướng mắc nói trên.</p>

Stt	Nội dung khó khăn, vướng mắc	Quy định liên quan (Điều, khoản, điểm)	Văn bản quy định (Số hiệu, trích yếu, ngày tháng năm ban hành)	Kiến nghị, đề xuất giải pháp tháo gỡ	Kết quả xử lý của các Bộ ngành, cơ quan
				<p>mức 40ppm (cột B) và 30ppm (cột A) để phù hợp với điều kiện thực tế của DN CBTS Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế các nước trong khu vực; sau khi hết lộ trình áp dụng 10 năm như kiến nghị mục dưới đây thì đưa ngưỡng phospho về mức 20ppm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Áp dụng lộ trình thực hiện <b>10 năm</b> cho QCVN mới theo thông lệ quốc tế (như trường hợp của Mỹ và một số nước là 10 năm) để có thời gian cho phép DN chuyển đổi công nghệ, đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải của nhà máy</li> <li>▪ Giữ nguyên ngưỡng kiểm soát của Amoni và Ni-tơ như trong QCVN 11.</li> </ul>	<p>Ngày <b>21/01/2022</b>, Hiệp hội tiếp tục có công văn số 04/CV-VASEP kiến nghị sửa đổi tiếp dự thảo này. Sau khi nhận được công văn nói trên, Bộ TNMT đã hoãn việc ban hành nhưng đến nay vẫn chưa có cuộc họp xin ý kiến lại các bên.</p>
2	<p><b>Bất cập về việc bùn thải thủy sản chưa được phân loại là mã TT-R (là mã cho chất thải rắn công nghiệp thông thường):</b> Bùn thải sinh học từ hệ thống xử lý nước thải CBTS không được cấp mã TT-R, nên phải đem xử lý chôn lấp hoặc đốt, không được phép</p>	<p>Mục C Danh mục chi tiết của các chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường <b>Phụ lục III</b> – theo đó, bùn thải thủy sản có mã</p>	<p>Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường.</p>	<p>Kiến nghị Bộ TNMT xem xét đưa bùn thải sinh học từ hệ thống xử lý nước thải chế biến thủy sản vào loại chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế và cấp ký hiệu (<b>TT-R</b>) như quy định tại khoản 3, điều 24, thông tư 02/2022/TT-BTNMT, để các Nhà máy thủy sản có thể giao cho các Nhà máy sản</p>	<p>Ngày 14/7/2022, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) đã gửi công văn số 46/CV-VASEP tới Bộ TNMT về kiến nghị bùn thải thủy sản được ký hiệu phân loại là <b>TT-R</b> - nhưng đến nay chưa nhận được phản hồi của Bộ TNMT.</p>

Stt	Nội dung khó khăn, vướng mắc	Quy định liên quan (Điều, khoản, điểm)	Văn bản quy định (Số hiệu, trích yếu, ngày tháng năm ban hành)	Kiến nghị, đề xuất giải pháp tháo gỡ	Kết quả xử lý của các Bộ ngành, cơ quan
	tái chế làm làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động SX	chất thải là 12 06 12; 16 06 13 thuộc chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT), ký hiệu phân loại là <b>TT</b>		xuất phân bón làm nguyên liệu sản xuất	
3	<b>Bất cập về quy chế quản lý, sử dụng đóng góp tài chính của nhà SX, NK vào Quỹ BVMT Việt Nam để hỗ trợ tái chế, xử lý chất thải:</b> Dự thảo còn nhiều điểm bất hợp lý và mâu thuẫn với Luật Bảo vệ Môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành; ảnh hưởng lớn đến niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp khi việc sử dụng nguồn tài chính đóng góp của các doanh nghiệp vào bảo vệ môi trường chưa thật sự đảm bảo đúng mục đích	Điều 2, 3, 4,8, 9, 12, 15, 17, 18, 21, 23, 24, 26, 27	Dự thảo Thông tư ban hành quy chế quản lý, sử dụng đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhập khẩu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế, xử lý chất thải (Bộ Tài nguyên Môi trường chủ trì)	Kiến nghị Bộ TNMT: - Cần quy định quy trình xin hỗ trợ và xét duyệt mức hỗ trợ làm online trên hệ thống dịch vụ công quốc gia, các địa phương không phải ra Hà Nội nộp hồ sơ giấy - Cần định lượng cụ thể các tiêu chí xét duyệt hỗ trợ, mức hỗ trợ - Cần quy định thời hạn giải ngân toàn bộ khoản đóng góp của doanh nghiệp của năm trước là trước 31/3 năm sau (đúng với thời gian nộp báo cáo tài chính). - Quy trách nhiệm cụ thể nếu không giải ngân được đúng hạn - Bỏ quy định về Nguồn kinh phí quản lý hành chính	Ngày 11/10/2022, 12 Hiệp hội DN, trong đó có Hiệp hội VASEP, đã gửi công văn tới Bộ TNMT góp ý về vướng mắc trong Dự thảo Thông tư ban hành quy chế quản lý, sử dụng đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhập khẩu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế, xử lý chất thải”.  Tuy nhiên, đến nay Bộ TNMT vẫn chưa có phản hồi cụ thể cho kiến nghị của các HH và cũng chưa đưa ra phiên bản mới của Dự thảo để xin ý kiến tiếp theo.
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ TÀI CHÍNH</b>				
1	<b>Bất cập trong thực thi phạt chậm nộp thuế</b>	“... Công ty thực hiện khai bổ sung	Công văn số <b>4593/TCT-KK</b> ngày	Kiến nghị Bộ Tài chính xem xét có văn bản hướng dẫn cho	Hiệp hội đã có công văn 19/CV-VASEP ngày 9/3/2021

Stt	Nội dung khó khăn, vướng mắc	Quy định liên quan (Điều, khoản, điểm)	Văn bản quy định (Số hiệu, trích yếu, ngày tháng năm ban hành)	Kiến nghị, đề xuất giải pháp tháo gỡ	Kết quả xử lý của các Bộ ngành, cơ quan
	<p><b>GTGT đối với lô hàng XK bị trả về <u>tính từ khi XK lô hàng</u>:</b> Khi XK hàng hóa, các DN sẽ kê khai và được Cơ quan Thuế giải quyết hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hóa xuất khẩu. Tuy nhiên, trong trường hợp một thời gian sau, vì lý do nào đó mà khách hàng trả lại hàng, DN phải làm thủ tục tái nhập lại hàng. Khi đó, bên cạnh việc phải kê khai và nộp lại tiền thuế GTGT đã được hoàn trước đây, DN còn phải nộp thêm tiền phạt chậm nộp <u>tính từ lúc DN được hoàn thuế GTGT lúc XK lô hàng</u></p>	<p><i>hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế khai xuất khẩu hàng hóa bị trả lại, đồng thời Công ty phải nộp lại số tiền thuế giá trị gia tăng đã được hoàn tương ứng với giá trị hàng hóa xuất khẩu bị trả lại và nộp tiền chậm nộp theo quy định.”</i></p>	<p>8/11/2019 của Tổng cục Thuế về việc kê khai hàng XK bị trả lại</p>	<p>phép không hồi tố thời gian chậm nộp thuế GTGT khi tái nhập hàng xuất khẩu đã được hoàn thuế GTGT bị trả về</p>	<p>gửi Bộ Tài chính đề nghị giải quyết cấp cập này. Ngày <b>19/4/2021</b>, Tổng cục Thuế đã có công văn <b>1176/-TCT-KK</b> trả lời Hiệp hội nhưng trong công văn chỉ nêu lại các văn bản quy định có liên quan để khẳng định DN vẫn phải nộp khoản tiền phạt chậm nộp nói trên chứ chưa có bất cứ ý kiến giải pháp nào để giải quyết cấp cập này cho DN.</p>
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ Y TẾ</b>				
1	<p><b>Vướng mắc về quy định sử dụng muối i-ốt trong chế biến thực phẩm:</b> Nghị định 09/2016/NĐ-CP có nội dung quy định việc bổ sung i-ốt vào muối dùng trong chế biến thực phẩm và bổ sung sắt và kẽm vào bột mì dùng trong chế biến thực phẩm.</p>	<p><b>Khoản 1, 2 Điều 6. Thực phẩm bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng</b> <i>“1. Các thực phẩm sau đây bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng tương ứng:</i> <i>a) Muối dùng để</i></p>	<p>Khoản 1 Điều 6 của Nghị định 09/2016/NĐ-CP</p>	<p>Kiến nghị sửa đổi 2 nội dung quan trọng tại Khoản 1 Điều 6 của Nghị định 09/2016/NĐ-CP như sau a) Muối dùng để <b><u>ăn trực tiếp; dùng trong nấu ăn hàng ngày; các gia vị mặn dạng rắn như hạt nêm, viên súp,...</u></b> phải được tăng cường I-ốt b) Bột mì dùng trong chế biến</p>	<p>Sau nhiều báo cáo &amp; kiến nghị hợp lý của cộng đồng DN thực phẩm trong 2 năm 2017-2018, Chính phủ đã có quyết nghị cụ thể giao Bộ Y tế tại Nghị quyết 19/2018/NQ-CP việc xem xét sửa đổi các nội dung bắt cập liên quan đến «<i>quy định bắt buộc bổ sung vi chất</i>» đối với thực phẩm chế biến nhưng Bộ Y tế chưa thực hiện.</p>

Stt	Nội dung khó khăn, vướng mắc	Quy định liên quan (Điều, khoản, điểm)	Văn bản quy định (Số hiệu, trích yếu, ngày tháng năm ban hành)	Kiến nghị, đề xuất giải pháp tháo gỡ	Kết quả xử lý của các Bộ ngành, cơ quan
	Quy định này là chưa dựa theo quản lý rủi ro, tồn kém nhưng hiệu quả thấp, khó thực thi, gây rất nhiều khó khăn cho sản xuất-chế biến thực phẩm nói chung (cả cho XK và cho tiêu dùng trong nước). Cần áp dụng biện pháp quản lý rủi ro để đạt được lợi ích sức khỏe cộng đồng mong muốn, và giảm thiểu được các ảnh hưởng bất lợi đến sản xuất kinh doanh.	<i>ăn trực tiếp, dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường I-ốt; b) Bột mì dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường sắt và kẽm;”</i>		thực phẩm <b><u>được khuyến khích</u></b> tăng cường sắt và kẽm	Ngày 15/11/2022, Hiệp hội VASEP đã gửi công văn số <b>91/CV-VASEP</b> tới Bộ Y tế và một số Hiệp hội khác cũng đã có công văn tiếp tục kiến nghị sửa đổi nội dung bắt cập kê trên tại Nghị định 09/2016/NĐ-CP. Tuy nhiên, đến nay Bộ Y tế vẫn chưa có phản hồi cụ thể cho kiến nghị của các Hiệp hội.
2	<b>Vướng mắc trong dự thảo TT ghi nhãn dinh dưỡng đối với thực phẩm:</b> Dự thảo TT ghi nhãn dinh dưỡng đang được Bộ Y tế lấy ý kiến góp ý đang có nhiều quy định chưa phù hợp với khu vực và quốc tế: yêu cầu ghi nhãn theo cả 2 cách trong khi Codex chỉ yêu cầu ghi 1 cách; số chỉ tiêu phải ghi quá nhiều (Dự thảo yêu cầu ghi 7 chỉ tiêu trong khi Singapore, Malaysia chỉ yêu cầu 4, Nhật bản yêu cầu 5 chỉ tiêu; 3 chỉ tiêu trong quy định không có trong Codex).	- Chi tiêu phải ghi nhãn tại Điều 5, Điều 6 - Giá trị dinh dưỡng tham chiếu tại Phụ lục I - Mẫu ghi nhãn dinh dưỡng tại Phụ lục II	Dự thảo Thông tư hướng dẫn ghi nhãn dinh dưỡng đối với thực phẩm (Bộ Y tế chủ trì)	<b>Kiến nghị Bộ Y tế:</b> - Xem xét lại số các chỉ tiêu dinh dưỡng cần ghi, cách ghi, mẫu ghi tại Điều 5, Điều 6, Phụ lục I và Phụ lục II - Làm rõ Khoản 1 Điều 1, bổ sung các loại trừ cho Điều 1 Khoản 2 cho phù hợp với các Nghị định của Chính phủ, thông lệ quốc tế và thực tiễn Việt Nam - Sửa lại mục 3 Điều 4 “ <i>Nguyên tắc ghi nhãn dinh dưỡng đối với thực phẩm</i> ” (bỏ cụm từ “gắn liền với bao bì”) và sửa Điều 8 “ <i>Lộ trình thực hiện</i> ” để tăng thời gian chuyển tiếp từ hơn 1 năm lên	Ngày 11/5/2022 VASEP đã có công văn <b>26/CV-VASEP</b> góp ý, kiến nghị cho dự thảo để giải quyết các bất cập này. Nhiều Hiệp hội ngành hàng thực phẩm khác (như AMCHARM, EUROCHARM, Hiệp hội Sữa Việt Nam, ....) cũng có các văn bản kiến nghị tương tự.  Tuy nhiên, tại Hội thảo lấy ý kiến góp ý dự thảo TT ghi nhãn dinh dưỡng ngày <b>26/8/2022</b> , Bộ Y tế vẫn chưa tiếp thu các góp ý của các Hiệp hội ngành hàng thực phẩm.

Stt	Nội dung khó khăn, vướng mắc	Quy định liên quan (Điều, khoản, điểm)	Văn bản quy định (Số hiệu, trích yếu, ngày tháng năm ban hành)	Kiến nghị, đề xuất giải pháp tháo gỡ	Kết quả xử lý của các Bộ ngành, cơ quan
	<p>Những quy định này không phù hợp với nguyên tắc quản lý rủi ro, không phù hợp với Nghị định 111/2021/NĐ-CP, thực tiễn Việt Nam, và thông lệ quốc tế, gây tổn kém, ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất – kinh doanh.</p>			<p>2 năm; các mặt hàng đã sản xuất, lưu thông trước thời hạn này được tiếp tục lưu hành đến khi hết hạn sử dụng</p>	
3	<p><b>Bất cập về thực thi Nghị định 15/2018/NĐ-CP:</b> Một số cơ quan quản lý ATTP các tỉnh/thành phố thực thi chưa nghiêm túc Nghị định 15/2018/ND-CP:</p> <p>a. Nhiều trường hợp yêu cầu bổ sung nhiều lần, lý do không rõ ràng, không nêu rõ là quy định gì khiến thời gian đăng ký bị kéo dài.</p> <p>b. Nhiều trường hợp yêu cầu nộp thêm những tài liệu không có trong quy định tại Điều 5 và Điều 7 của ND 15.</p> <p>c. Nhiều trường hợp thời gian trả lời kết quả vượt quá thời gian 7 ngày làm việc</p>	<p>Khoản 3 điều 8 ND 15 quy định “<i>cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ được yêu cầu sửa đổi, bổ sung 01 lần</i>” Điều 5 và Điều 7</p> <p>Khoản 2 Điều 8: “<i>2. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm</i></p>	<p>Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018</p>	<p>Kiến nghị Bộ Y tế có văn bản chỉ đạo các cơ quan quản lý ATTP các tỉnh/thành phố thực hiện nghiêm túc Nghị định 15/2018/NĐ-CP và có biện pháp xử lý những trường hợp vi phạm.</p>	

Stt	Nội dung khó khăn, vướng mắc	Quy định liên quan (Điều, khoản, điểm)	Văn bản quy định (Số hiệu, trích yếu, ngày tháng năm ban hành)	Kiến nghị, đề xuất giải pháp tháo gỡ	Kết quả xử lý của các Bộ ngành, cơ quan
	<p>mà không có lý do chính đáng.</p> <p>d) Nhiều trường hợp chấp nhận cả giấy phép lưu hành tự do tự cấp bởi 1 cá nhân hoặc 1 công ty SX xuất gửi thông báo khẳng định đây không phải là giấy phép hợp lệ, cơ quan quản lý địa phương vẫn không thu hồi các giấy phép đã cấp, tạo điều kiện cho gian lận thương mại nảy sinh.</p> <p>- e) Với hồ sơ tự công bố, nhiều trường hợp cơ quan quản lý rất chậm trễ trong việc đăng tải tên tổ chức, cá nhân và tên các sản phẩm tự công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận, gây khó khăn</p>	<p><i>việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đăng ký bản công bố SP... có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo ND này.”</i></p> <p>Điểm b Khoản 1 điều 7 ND 15 quy định ”<i>Giấy phép lưu hành tự do do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ/xuất khẩu cấp</i>”</p>			



Stt	Nội dung khó khăn, vướng mắc	Quy định liên quan (Điều, khoản, điểm)	Văn bản quy định (Số hiệu, trích yếu, ngày tháng năm ban hành)	Kiến nghị, đề xuất giải pháp tháo gỡ	Kết quả xử lý của các Bộ ngành, cơ quan
	cho doanh nghiệp				
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC LIÊN QUAN TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG, BỘ LAO ĐỘNG-TBXH VÀ THẨM QUYỀN QUỐC HỘI</b>				
7	<b>Quy định mức thu kinh phí công đoàn 2% quỹ lương:</b> Mức thu kinh phí công đoàn 2% quỹ tiền lương hiện tại quá cao và bất hợp lý.	Khoản 2 Điều 26 Tài chính công đoàn “2. Kinh phí công đoàn do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng bằng 2% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động”	Luật Công đoàn 2012	Kiến nghị Quốc Hội: Xem xét giảm kinh phí công đoàn xuống còn tối đa 1% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội và dùng toàn bộ kinh phí công đoàn để chăm lo tốt hơn cho lợi ích của người lao động, không dùng kinh phí này chỉ cho hoạt động của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	VASEP và một số Hiệp hội ngành hàng đã có nhiều văn bản kiến nghị và trao đổi tại các cuộc họp với Chính phủ, Tổng LĐLĐ và Bộ LĐTBXH.
8	<b>Khó khăn, vướng mắc của DN về quy định tỷ lệ đóng BHXH cao:</b> Tỷ lệ thu BHXH hiện tại quá cao, lên đến 31,5% (Người sử dụng LĐ đóng 21%, người lao động đóng 10,5%), cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực, tạo ra gánh nặng tài chính và gây giảm sức cạnh tranh của DN		Luật BHXH 2014 và các văn bản hướng dẫn có liên quan	Đề nghị Quốc Hội xem xét phương án giảm tỷ lệ đóng BHXH trở về mức đóng BHXH năm 2010.	VASEP và các Hiệp hội đã có văn bản kiến nghị và trao đổi tại các cuộc họp với Chính phủ đề nghị kiến nghị Quốc Hội xem xét để giảm trở về mức đóng BHXH năm 2010 nhưng chưa được xem xét.

----- oOo -----